

Bản án số: 66/2020/HS-PT
Ngày: 02 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Ông **Võ Văn Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 5 và 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 167/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thị Cẩm L và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2019/HS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

1/ **Lê Thị Cẩm L** – sinh năm 1978, Nơi sinh: K – Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp G, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Hồ Thị R; chồng: Nguyễn Thanh H; có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: không; Tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2019 đến ngày 25/6/2019 được bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ **Lê Thị Cẩm T** – sinh năm 1983, Nơi sinh: K – Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp G, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Hồ Thị R, chồng: Ngô Huân U (đã ly hôn) có 01 người con sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2019 đến ngày 06/02/2019. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh H – sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp G, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Nguyễn Thị Hồng H1– sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp G, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Võ Thị Q, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 50 phút ngày 31/01/2019 Công an huyện K bắt quả tang Nguyễn Thị Hồng H1 đang bán số đề tại số 65, ấp C, xã Đ, huyện K giao phoi cho Lê Thị Cẩm L tại ấp G, xã Đ, huyện K, phát hiện thu giữ 03 phoi đề với tổng số tiền ghi trên phoi là 4.205.000 đồng, tiền Việt Nam 14.538.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy 7 Pro, màu xám.

Vào lúc 16 giờ 40 phút ngày 31/01/2019 Công an huyện K, bắt quả tang Lê Thị Cẩm T đang bán số đề tại nhà số 268, ấp G, xã Đ, huyện K giao phoi cho Lê Thị Cẩm L tại ấp G, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang, phát hiện thu giữ 01 phoi đề với tổng số tiền ghi trên phoi là 155.000 đồng, tiền Việt Nam 48.947.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A9, màu xanh, bên trong có ảnh nhiều phoi đề tương đương số tiền ghi trên phoi là 5.727.000 đồng, 02 cây bút mực.

Vào lúc 17 giờ ngày 31/01/2019 công an huyện K bắt quả tang Lê Thị Cẩm L đang nhận phoi đề của các người bán số đề bằng hình thức tin nhắn điện thoại và tin nhắn qua mạng xã hội Zalo tại nhà số 267 ấp G, xã Đ, huyện K, phát hiện thu giữ 15 phoi đề, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 màu trắng – xám, tiền Việt Nam 2.332.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định hành vi đánh bạc của các bị cáo thể hiện như sau:

1. Hành vi của Lê Thị Cẩm L:

Vào khoảng đầu năm 2018 Lê Thị Cẩm L bán số đề cho người mua số đề tại nhà thuộc ấp G, xã Đ, huyện K gồm số đầu, số đuôi, số lô 02 con với tỷ lệ thắng, thua 1/80, số đá tỷ lệ thắng, thua 1/600. Hàng ngày L trực tiếp bán số đề và nhận phoi của người khác tổng hợp lại. Hình thức nhận phoi bằng điện thoại và tin nhắn qua mạng xã hội Zalo. L nhận phoi bằng điện thoại của Nguyễn Thị Hồng H1 và Nguyễn Thị T2, nhận phoi bằng tin nhắn qua mạng xã hội Zalo của Lê Thị Cẩm T và Nguyễn Thị Hồng H2, ngoài ra bị can còn nhận phoi trực tiếp của T và Nguyễn Thị Kiều O. Khi có kết quả xổ số L tính lời, lỗ và giao nhận tiền với những người giao phoi. L nhận phoi và cho những người giao phoi hưởng 15% đối với số đầu, số đuôi, 3,3% đối với số lô, 8,6% đối với số đá trên tổng số tiền giao cho L. Mỗi ngày L bán và nhận phoi thấp nhất là 5.000.000 đồng, cao nhất là ngày 30/01/2019 với số tiền 29.278.000 đồng. Trong thời gian bán số đề và nhận phoi đề bình quân mỗi

tháng L thu lợi bất chính số tiền khoảng 14.000.000 đồng. Tổng số tiền L thu lợi bất chính trong thời gian bán số đề và nhận phôi đề khoảng 204.600.000đ.

Trong thời gian bán số đề và nhận phôi đề, khi khám chữa bệnh L có nhờ Lê Thị Cẩm T bán số đề cho mình và nhờ Nguyễn Thanh H1 nghe điện thoại và ghi âm lại sau đó đưa cho L để L ghi lại thành phôi. Riêng ngày 29/01/2019 L bán và nhận phôi được số tiền 12.741.000 đồng, ngày 30/01/2019 L bán và nhận phôi được số tiền 29.278.000 đồng, ngày 31/01/2019 L bán và nhận phôi được số tiền 11.320.000 đồng thì bị bắt quả tang.

2. Hành vi của Lê Thị Cẩm T:

Vào khoảng tháng 07/2018 Lê Thị Cẩm T biết chị ruột là Lê Thị Cẩm L bán số đề cho các người mua số đề tại nhà thuộc ấp G, xã Đ, huyện K nên T bán số đề và giao phôi cho L để nhận huê hồng. Đối với số đầu, số đuôi thì được hưởng 10%, số lô miền Bắc thì hưởng 4,2%, số lô miền Nam thì được hưởng 3,3% trên tổng số tiền giao cho L. Hàng ngày T giao phôi cho L bằng cách giao trực tiếp hoặc dùng điện thoại chụp hình các phôi đề sau đó nhắn tin qua mạng xã hội Zalo, sau khi có kết quả xổ số L tính lời lỗ và giao nhận tiền với T.

Trong ngày 29/01/2019 T bán được số tiền 3.070.000 đồng, trong đó số trúng 4.000.000 đồng tổng cộng số tiền dùng để đánh bạc là 7.070.000 đồng, ngày 30/01/2019 T bán được số tiền 1.630.000 đồng, trong đó số trúng 4.000.000 đồng tổng cộng số tiền dùng để đánh bạc là 5.630.000 đồng. Ngày 31/01/2019 T bán số đề được số tiền 2.060.000 đồng tổng hợp giao cho L thì bị bắt quả tang.

T giao phôi cho L từ tháng 07/2018 đến ngày bị bắt quả tang mỗi ngày T hưởng huê hồng từ 50.000 đồng đến 157.000 đồng, mỗi tháng giao khoảng 20 ngày tổng cộng số tiền thu lợi bất chính khoảng 15.621.000 đồng. Ngoài ra trong thời gian L đi khám chữa bệnh thì T còn giúp cho L bán số đề tại nhà của L, sau đó giao tiền cho L, T không được hưởng huê hồng.

3. Hành vi của Nguyễn Thị Hồng H1:

Từ đầu năm 2018 Nguyễn Thị Hồng H1 bắt đầu bán số đề và giao phôi cho Lê Thị Cẩm L để nhận tiền huê hồng, đối với số đầu, số đuôi được hưởng 15%, số lô được hưởng 3,3%, số đá được hưởng 8,6% trên tổng số tiền giao cho L. Sau khi bán số xong H1 gọi điện đọc các con số và số tiền cho L hoặc nhắn tin bằng mạng xã hội Zalo cho L. Sau khi có kết quả xổ số thì L tính lời lỗ và giao nhận tiền với nhau. Ngày 14/01/2019 H1 bán cho Võ Thị Q số tiền 5.640.000 đồng, trong đó số trúng là 4.000.000 đồng, tổng cộng số tiền dùng để đánh bạc 9.640.000 đồng.

Trong thời gian bán số đề mỗi ngày H1 bán từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, tiền huê hồng được hưởng từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, mỗi tháng bán được khoảng 20 ngày, tổng số tiền thu lợi bất chính khoảng 65.000.000 đồng.

4. Hành vi của Võ Thị Q:

Đầu năm 2019 Võ Thị Q biết Nguyễn Thị Hồng H1 bán số đề nên mua số mỗi ngày từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, gồm số đầu, số đuôi, số lô. Khi mua số Quới dùng điện thoại di động nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho H1 các con số và số tiền, sau khi có kết quả xổ số H1 và Q tính tiền với nhau. Ngày 14/01/2019 Quới mua của H1 5.640.000 đồng, Quới trúng 4.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 9.640.000 đồng.

5. Hành vi của Nguyễn Thanh H:

Nguyễn Thanh H là chồng của Lê Thị Cẩm L, hàng ngày L bán số đề và nhận phôi đề, H giúp L nghe điện thoại của người giao phôi và ghi âm lại gồm Nguyễn Thị Hồng H1, Nguyễn Thị T sau đó đưa điện thoại cho L để tổng hợp ra phôi giấy. Ngày 31/01/2019 H nghe điện thoại của Nguyễn Thị Hồng H1 và Nguyễn Thị T giao phôi và ghi âm lại đưa cho L sau đó L bị bắt quả tang.

- Quá trình truy tố bị cáo Lê Thị Cẩm L tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 204.600.000 đồng, bị cáo Lê Thị Cẩm T tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 7.000.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Thu của bị cáo Nguyễn Thị Hồng H1 gồm:

- 03 (ba) phôi đề có nhiều con số khác nhau.
- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy 7 Pro, màu xám, điện thoại cũ đã qua sử dụng.
- Tiền Việt Nam 14.538.000đ (Mười bốn triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Thu của bị cáo Lê Thị Cẩm T gồm:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A9, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) cây bút mực màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) cây bút mực màu đỏ, đã qua sử dụng.
- Tiền Việt Nam 48.947.000đ (Bốn mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

- 01 (một) phôi đề có nhiều con số khác nhau.

Thu của bị cáo Lê Thị Cẩm L gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 màu trắng – xám, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 15 (mười lăm) tờ giấy (phôi đề) có ghi nhiều con số khác nhau.

- Tiền Việt Nam 2.332.000đ (Hai triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Thu của bị cáo Võ Thị Q gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Moiistar màu xám, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

*** *Tại Bản án sơ thẩm số 45/2019/HSST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Cẩm L - 05 (năm) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/01/2019 đến ngày 25/6/2019.

- Áp dụng: điểm b, khoản 2 Điều 322; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Cẩm T - 03 (ba) tháng tù** về tội “**Đánh bạc**” và - **01 (một) năm tù** về tội “**Tổ chức đánh bạc**”, tổng hợp hình phạt là - **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 06/2/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử phạt các bị cáo H 06 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo H1 09 tháng tù cho hưởng án treo, Q hình phạt tiền và án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm**, ngày 25/10/2019 bị cáo Lê Thị Cẩm L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã nộp đủ tiền thu lợi bất chính.

Ngày 25/10/2019 bị cáo Lê Thị Cẩm T có đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết, bị cáo chỉ phạm tội đánh bạc, không có tổ chức đánh bạc, việc bị cáo bán dùm là do không hiểu biết pháp luật, mức án của bị cáo nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo L và T có đơn thay đổi nội dung kháng cáo như sau:

Bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét lại số tiền thu lợi bất chính vì theo bị cáo mỗi tháng bị cáo chỉ thu lợi được 3.000.000 đến 4.000.000 đồng. Do điều tra viên không giải thích nên bị cáo khai trong quá trình điều tra là thu lợi bất chính mỗi tháng 14.000.000 đồng là không đúng.

Bị cáo T xin xem xét lại tội danh, cho rằng bị cáo không phạm tội tổ chức đánh bạc, với lý do hai ngày bị cáo bán dùm cho chị bị cáo L ngày thứ nhất được 400.000 đồng, ngày thứ hai được 350.000 đồng, nên không đủ cấu thành tội tổ chức đánh bạc.

Tại phiên tòa, Bị cáo L thừa nhận cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “**Tổ chức đánh bạc**” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự là đúng tội

của bị cáo, bị cáo yêu cầu HĐXX xem xét lại số tiền thu lợi bất chính và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T thừa nhận cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với tội tổ chức đánh bạc, bị cáo yêu cầu HĐXX xem xét lại cho bị cáo, bị cáo không phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Xét kháng cáo của bị cáo L: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo. Tuy nhiên, đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo L, thì trong hồ sơ vụ án không thể hiện rõ số tiền thu lợi bất chính của bị cáo, lời khai của bị cáo không thống nhất, có khi bị cáo khai mỗi tháng thu lợi bất chính 14.000.000 đồng có khi lại khai mỗi ngày lời 2.000.000 đồng có lúc khai từ đầu tháng 1/2019 đến ngày 28/01/2019 lời khoảng 6.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo để xác định bị cáo thu lợi bất chính số tiền 204.600.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai rằng bình quân mỗi tháng bị cáo thu lợi được 3.000.000 đồng đến 4.000.000 và trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thu lợi khoảng hơn 70.000.000 đồng. Do số tiền thu lợi bất chính chỉ có bị cáo mới biết và hồ sơ vụ án không thể hiện rõ nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo và xem xét số tiền thu lợi bất chính của bị cáo. Về hình phạt: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù là có phần hơi nghiêm khắc, bởi trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện bị cáo đang bị bệnh, nên đề nghị xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ nghiêm.

Xét kháng cáo của bị cáo T: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Cấp sơ thẩm xử bị cáo T tội “Tổ chức đánh bạc” là chưa đủ căn cứ, bởi chưa xác định được hai ngày bị cáo T bán dùm bị cáo L là ngày nào, ngày đó bán bao nhiêu tiền, hồ sơ không thể hiện ai nộp phôi cho bị cáo T, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự (là thu lợi bất chính trên 50.000.000 đồng trở lên) trong khi hồ sơ thể hiện lâu lâu bị cáo L cho con của bị cáo T tiền để đi học tổng cộng các lần cho là 1.200.000 đồng, nên cần trả hồ sơ điều tra lại đối với tội danh “Tổ chức đánh bạc” của bị cáo T.

Từ những cơ sở trên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự hủy một phần bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về điều tra lại

đối với tội “Tổ chức đánh bạc” của bị cáo T; sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền thu lợi bất chính và giảm hình phạt cho bị cáo L từ 03 năm đến 3 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của hai bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của hai bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Từ đầu năm 2018 Lê Thị Cẩm L bán số đề cho người nhiều người chơi đề và gom phôi đề của Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Hồng H1, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kiều O tại nhà thuộc ấp G, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 31/01/2019 thì bị Công an huyện K bắt quả tang Hình thức nhận phôi trực tiếp, bằng điện thoại và tin nhắn qua mạng xã hội Zalo. L cho những người giao phôi hưởng 15% đối với số đầu, số đuôi; 3,3% đối với số lô; 8,6% đối với số đá. L bán và nhận phôi mỗi ngày thấp nhất là 5.000.000 đồng, cao nhất là 29.278.000 đồng. Trong quá trình tổ chức đánh bạc, L thu lợi bất chính số tiền 204.600.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo L về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Đối với Lê Thị Cẩm T: Từ tháng 7 năm 2018 T bán số đề giao phôi cho L để nhận huê hồng, đối với số đầu, số đuôi được hưởng 10%, số lô miền Bắc được hưởng 4,2%, số lô miền Nam được hưởng 3,3%. T giao phôi cho L trực tiếp hoặc dùng điện thoại nhắn tin qua mạng xã hội Zalo, sau khi có kết quả xổ số L tính lời lỗ và giao nhận tiền với T. Ngày 31/01/2019 T bán số đề được số tiền 2.060.000 đồng tổng hợp giao cho L thì bị bắt quả tang. Trong thời gian bán số đề T thu lợi bất chính số tiền 15.621.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của hai bị cáo:

- Xét kháng cáo của bị cáo L: HĐXX nhận thấy, trong quá trình điều tra, bị cáo L khai nhận số tiền thu lợi bất chính không thống nhất. Trong đó, có nhiều lời khai bị cáo khai thu lợi bất chính mỗi tháng bình quân là 14.000.000 đồng, riêng ngày 29/01/2019 lời 11.000.000 đồng, ngày 30/01/2019 lời 20.800.000 đồng, trong

suốt quá trình đánh bạc thu lợi bất chính số tiền 205.800.000 đồng. Có khi bị cáo lại khai: Bị cáo bán số đề từ tháng 7/2018 đến 31/01/2019, tiền lời mỗi tháng là 1.000.000 đồng, trong 7 tháng thì bị cáo và T lời mỗi người thu lợi được 7.000.000 đồng (bút lục 08), có khi lại khai mỗi ngày lời 2.000.000 đồng (bút lục 149). Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền thu lợi bất chính; và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L khai bình quân mỗi tháng bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.000.000đ đến 4.000.000đ và thừa nhận ngày 29/01/2019 bị cáo thu lợi số tiền 11.000.000 đồng và ngày 30/01/2020 thu lợi 20.800.000 đồng. Đồng thời, tại bút lục 143 bị cáo L khai trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 28/01/2019 bị cáo thu lợi được 6.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, đối với số tiền thu lợi bất chính thì chỉ có bị cáo mới biết, nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo HĐXX chấp nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và tính được số tiền thu lợi bất chính của bị cáo như sau:

Trong 11 tháng tổ chức đánh bạc thì bình quân mỗi tháng bị cáo thu lợi bất chính 3.500.000 đồng.

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 28/01/2019 bị cáo thu lợi 6.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2019 bị cáo thu lợi số tiền 11.000.000 đồng.

Ngày 30/01/2020 thu lợi 20.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo L là 76.300.000 đồng. Do vậy cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nên cần buộc bị cáo L phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính trên là phù hợp.

Đối với số tiền bị cáo L tạm nộp là 204.600.000 đồng tại Chi cục thi hành án huyện K sẽ được khấu trừ lại cho bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án 05 năm tù là có phần nghiêm khắc. HĐXX xét thấy, trong quá trình xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo hiện đang mang bệnh, nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm.

- Xét kháng cáo của bị cáo T: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án 03 tháng tù là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Đánh bạc”.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T đồng phạm tội Tổ chức đánh bạc là chưa đủ căn cứ, bởi: Theo lời khai của bị cáo T

và L thì T có bán số đề tiếp L trong hai ngày, không nhớ thời gian chính xác là ngày nào; cấp sơ thẩm chưa xác định được ngày bị cáo T bán giùm cho bị cáo L là ngày nào, số tiền hai ngày bán là bao nhiêu, theo lời khai của bị cáo T và L thì trong hai ngày đó T chỉ bán được một ngày 350.000 đồng và một ngày 450.000 đồng. Mặt khác, lời khai của các người giao phôi là bị cáo T, Hồng H1 và Qđều khẳng định chỉ giao phôi cho L, ngoài ra không giao cho ai khác. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ trong hai ngày bị cáo L nhờ bị cáo T bán số đề được số tiền 750.000 đồng (theo hai bị cáo khai) còn có người nào khác (các tay em) giao phôi hay tiền cho bị cáo T nhận đùm bị cáo L hay không để làm căn cứ xác định số tiền đánh bạc trong hai ngày này. Từ đó, để xác định bị cáo T có đồng phạm tổ chức đánh bạc với bị cáo L hay không. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự, trong khi chưa làm rõ được số tiền thu lợi bất chính cũng như số tiền đánh bạc trong hai ngày bị cáo T bán đùm bị cáo L. HĐXX xét thấy kháng cáo của bị cáo T là có căn cứ, nghĩ nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với hành vi Tổ chức đánh bạc của bị cáo T, giao hồ sơ về điều tra lại theo thủ tục chung là cần thiết.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, sửa một phần bản án sơ thẩm về tính lại số tiền thu lợi bất chính và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L; hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về điều tra lại tội Tổ chức đánh bạc đối với bị cáo T là phù hợp nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm L.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm T.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 45/2019/HSST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- **Áp dụng:** Điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Lê Thị Cẩm L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/01/2019 đến ngày 25/6/2019.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Lê Thị Cẩm T 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 06/02/2019.

2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo L nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 76.300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 204.600.000 đồng bị cáo đã tạm nộp theo các biên lai thu tiền số 06799 ngày 14/8/2019; số 00587 ngày 19/8/2019; số 00011 ngày 23/8/2019; số 00682 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Bị cáo được nhận lại số tiền còn thừa là 128.300.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 45/2019/HSST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang điều tra lại theo thủ tục chung đối với tội Tổ chức đánh bạc của bị cáo Lê Thị Cẩm T.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKSND huyện (1)
- TAND huyện (1)
- THA hình sự huyện (1)
- CC THADS huyện (1)
- Bị cáo (2);
- Lưu (7).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Quang